| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH LA | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 389/2020/DS-PT
Ngày: 11, 30-9 và 05-10-2020
"V/v tranh chấp thừa kế"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cảnh.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Lưu Văn Uẩn.
2. Ông Lê Minh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11, ngày 30 tháng 9 và ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc "tranh chấp thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 16/6/2020 của Toà án nhân dân huyện ChTh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 381/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 251/2020/QĐ-PT ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:**

1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số 53/8, ấp 8, xã HTh, huyện ChTh, tỉnh LA.

2. Bà Lê Thị By, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 258/1, ấp 1, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà By: Luật sư Nguyễn Văn Thg – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Thg thuộc Đoàn luật sư tỉnh LA.

3. Bà Lê Thị Hu, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 435A, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, thành phố TA, tỉnh LA.

4. Bà Lê Thị Lo, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 154/3, ấp Hồi Xuân, xã DXH, huyện ChTh, tỉnh LA.

***Bị đơn:***

1. Ông Lê Văn Ln, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Số 76/2, ấp 2, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA.

2. Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 230/1, ấp 1, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA.

3. Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 92, đường Đỗ Tường Phong, Khu phố 3, thị trấn TV, huyện ChTh, tỉnh LA.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Lê Đặng Thuỳ Trg, sinh năm 1988.

2. Bà Lê Đặng Phương Tho, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Số 92, đường Đỗ Tường Phong, Khu phố 3, thị trấn TV, huyện ChTh, tỉnh LA.

***Người kháng cáo:*** Ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch.

***Người kháng nghị:*** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện ChTh, tỉnh LA.

(Bà Trg, bà Tho vắng mặt tại phiên tòa; các đương sự có mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị B, Lê Thị By, Lê Thị Hu, Lê Thị Lo thống nhất trình bày:* Cha mẹ các bà là ông Lê Văn H, chết năm 1973 và bà Đinh Thị X, chết năm 2004. Ông H, bà X có 08 người con là ông Lê Văn Ln, bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị By, ông Lê Văn Trc, bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo và ông Lê Tấn Cg.

Lúc sinh thời, ông H và bà X có tạo lập được khoảng 9.000m$^2$ đất, cha mẹ đã cho ông Ln 2.000m$^2$ đất, ông Ch 1.500m$^2$ đất, ông Trc 1.500m$^2$ đất, còn lại thì cho ông Cg. Ông Cg được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, gồm các thửa đất: Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, loại đất lúa, diện tích 4.423,8m$^2$; thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, loại đất ở nông thôn, diện tích 1.684m$^2$; thửa đất số 399, tờ bản đồ số 16, loại đất nuôi trồng Thỷ sản, diện tích 455m$^2$. Các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp 2, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA. Năm 1997, ông Cg bị bệnh qua đời, không có vợ con nên các thửa đất trên để lại cho bà Đinh Thị X quản lý. Hiện nay, bà Hu đang giữ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, bà X gọi các con về thông báo là bà X cho 04 người con gái là bà Hu, bà B, bà By, bà Lo mỗi người là 500m$^2$ đất trồng lúa của thửa đất số 358, sau khi bà X qua đời mới được sử dụng.

Năm 2004, bà X qua đời, 04 người con gái là bà Hu, bà B, bà By, bà Lo mỗi người được chia 500m$^2$ đất để trồng lúa, không có sự tranh chấp, vì chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi bà X chết, tài sản trên do tất cả 07 anh chị em còn lại quản lý chung, cụ thể:

+ Phần đất ruộng thuộc thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.423,8m$^2$, chia cho 04 người con gái là bà Hu, bà B, bà By, bà Lo mỗi người 500m$^2$ đất để sử dụng, phần còn lại ông Trc quản lý làm ruộng (cho thuê) lấy huê lợi về giỗ cha mẹ và ông Cg.

+ Phần đất ở nông thôn thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.684m$^2$ trong đó có ngôi nhà cấp 4 là nhà thờ.

Nay bà Hu yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Tấn Cg cụ thể như sau:

+ Phần đất ruộng bà Hu yêu cầu chia cho các nguyên đơn mỗi người nhận 500m$^2$, phần còn lại thì nhận bằng tiền. Thanh long trên đất thì của các nguyên đơn trồng, nên không yêu cầu giải quyết.

+ Đối với đất thổ sau khi trừ diện tích phần nhà thờ và phần đất phía Trc, phía sau nhà thờ với tổng diện tích là 600m$^2$, phần đất còn lại bà Hu yêu cầu chia làm 08 phần, 07 anh chị em mỗi người nhận 01 phần, phần thứ 08 bà Hu yêu cầu chia ½ cho bà Th, chia ½ cho bà By.

+ Phần đất ao bà Hu đồng ý giao cho ông Ln sử dụng, bà Hu yêu cầu ông Ln chia giá trị phần đất ao cho những người còn lại.

Bà Lê Thị By ở trên phần đất thổ từ năm 1997 đến năm 2017, bà By là người có công gìn giữ tài sản từ năm 2004 đến năm 2017. Bà By thống nhất với lời trình bày của bà Hu. Bà By yêu cầu nhận bằng hiện vật, không đồng ý nhận bằng tiền. Bà By yêu cầu tính công sức quản lý, bảo quản di sản cho bà By theo yêu cầu của các nguyên đơn.

*Các bị đơn trình bày trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

*Ông Lê Văn Ch trình bày:* Ông Lê Văn H đã chết năm 1973 và bà Đinh Thị X, chết năm 2004. Ông H và bà X có 08 người con và tài sản ông Cg để lại như nguyên đơn trình bày.

Ông Cg không có vợ con, ông bà nội và ông bà ngoại đều đã chết. Sau khi ông Cg chết, tài sản giao lại cho bà X quản lý và canh tác, bà X có gợi ý giao tài sản trên cho ông Trc quản lý và canh tác. Trong thời gian quản lý canh tác các tài sản trên, ông Trc bỏ tiền ra để tu sửa nhà thờ, xây dựng thêm nhà dưới, phần nhà bếp để thuận tiện cho mẹ già sống, sinh hoạt hàng ngày và chu cấp tiền phụng dưỡng mẹ ông đến cuối đời, trong thời gian này gia đình không xảy ra tranh chấp tài sản.

Từ năm 1997 đến năm 1999, trên danh nghĩa là ông Trc quản lý và canh tác tài sản trên, nhưng thực tế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đứng tên ông Cg. Khi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trc. Trc đây, mẹ ông có nói với các anh chị em ông là mẹ ông muốn chia cho 04 người con gái mỗi người 500 m$^2$ đất trồng lúa, với tâm nguyện là sau khi bà mất 04 người con gái còn tới lui sum họp, tạo sự đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Sau khi mẹ ông mất, ông có nhắc lại di chúc miệng của mẹ và tất cả các anh chị em trong gia đình cũng đồng ý

theo di nguyện đó. Nay bà B, bà Lo, bà Hu, bà By không thực hiện di nguyện của mẹ.

Sau khi mẹ ông mất, ông Trc bận đi làm, ông Trc có nhờ bà By đến ở chăm sóc nhà cửa, hương khói bàn thờ tổ tiên; trong thời gian bà By ở, chăm sóc nhà thờ, ông Trc có trả tiền công, tiền điện nước của bà By sinh hoạt, hương khói hàng tháng và tạo mọi điều kiện tốt nhất có thể cho bà By ở. Đến giữa năm 2015, ông Trc bị bệnh, kinh tế gia đình khó khăn, do vậy việc chi tiền hàng tháng cho bà By chậm trễ. Năm 2016, ông Trc chết, bà By mới thực sự thường xuyên ở và quản lý nhà, nhưng đến những ngày giỗ, tết… thì tất cả anh chị em, con cháu trong gia đình đều đóng góp về vật chất, tinh thần. Bà By chỉ là người ở do ông Trc thuê, không phải ở do lòng tự nguyện và kế thừa tài sản do ông Cg để lại như nguyên đơn trình bày.

Ông Ch không đồng ý chia di sản thừa kế của ông Lê Tấn Cg theo yêu cầu của các nguyên đơn, ông Ch yêu cầu:

- Giữ lại ¼ tổng giá trị của tài sản trên dùng để cúng giỗ: ba, mẹ, ông Cg, cúng lễ, tết trong nhà.

- Ông Ch muốn giữ nguyên hiện trạng nhà thờ và đất thổ. Ông Ln, ông Ch và bà Th được nhận nhà thờ và đất thổ, giao cho ông Ln trực tiếp quản lý. Ông Ln, ông Ch và bà Th sẽ hoàn lại giá trị bằng tiền cho các thành viên còn lại.

- Phần đất ruộng ông Ch yêu cầu chia 08 phần, ông Lê Văn Trc đã chi phí thờ cúng, tu bổ nhà cửa, xây lại nhà sau, nên ông Trc được hưởng 02 phần, 04 nguyên đơn mỗi người nhận phần đất có diện tích là 500m$^2$, còn phần đất còn lại đang do 02 con của ông Trc trồng thanh long, ông Ch đề nghị tiếp tục giao cho 02 con ông Trc quản lý, sử dụng.

*Ông Lê Phi Thuyền là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Ln trình bày:* Ông Ln không đồng ý chia di sản thừa kế của ông Lê Tấn Cg theo yêu cầu của các nguyên đơn. Ông Ln thống nhất theo yêu cầu của ông Ch. Về phần đất ao các nguyên đơn giao cho ông Ln sử dụng và yêu cầu ông Ln chia giá trị cho những người còn lại thì ông Ln đồng ý.

*Bà Đặng Thị Th trình bày:* Bà Th đồng ý chia thừa kế theo pháp luật, bà đồng ý giao phần đất thổ và nhà thờ cho ông Ln và ông Ch quản lý, bà Th yêu cầu được nhận tài sản thừa kế phần của ông Trc bằng đất ruộng. Bà Th yêu cầu giải quyết dứt điểm phần tranh chấp thừa kế này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan b*à Lê Đặng Thuỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho thống nhất với như ý kiến và yêu cầu của bà Đặng Thị Th.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 16/6/2020 Tòa án nhân dân huyện ChTh đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468, các Điều 623, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị B, bà Lê Thị By, bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo đối với di sản thừa kế do ông Lê Tấn Cg để lại, gồm: thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh, diện tích là 4.242,1m$^2$; thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, diện tích là 1.572,8m$^2$; thửa đất số 399, tờ bản đồ số 16, xã HPh, diện tích là 252m$^2$, cụ thể như sau:

- Chia chung cho các nguyên đơn gồm bà Lê Thị B, bà Lê Thị By, bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo diện tích 2.000m$^2$ đất của thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh, có tứ cận: Đông giáp lối đi công cộng; Tây giáp thửa số 357, 374; Nam giáp thửa số 374, 358 (phần còn lại); Bắc giáp thửa số 343, 345. Phần còn lại của thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh có diện tích là 2.242,1m$^2$, trong đó chia chung cho các bị đơn gồm ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch, ông Lê Văn Trc (đã chết, vợ ông Trc là bà Đặng Thị Th cùng 02 người con của bà Th là bà Lê Đặng Thùy Trg và bà Lê Đặng Phương Tho hưởng phần thừa kế của ông Trc) diện tích 1.500m$^2$.

- Chia cho các nguyên đơn gồm:

+ Bà Lê Thị B diện tích 139 m$^2$ đất của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, vị trí: khu B1 theo Mãnh trích đo địa chính ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa.

+ Bà Lê Thị By diện tích 143,5m$^2$ đất của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, vị trí: khu B4 theo Mãnh trích đo địa chính ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa.

+ Bà Lê Thị Hu diện tích 139m$^2$ đất của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, vị trí: khu B2 theo Mãnh trích đo địa chính ngày 24 tháng 3 năm 2020 của công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa.

+ Bà Lê Thị Lo diện tích 139m$^2$ đất của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, vị trí: khu B3 theo mãnh trích đo địa chính ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa.

Phần còn lại của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh:

+ Khu A theo Mãnh trích đo địa chính ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, có diện tích 600m$^2$, trên khu A có căn nhà cấp 4 là tài sản chung của các đương sự, gồm các ông bà: ông Lê Văn Ln, bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị By, ông Lê Văn Trc (chết vào năm 2016, vợ ông Trc là bà Đặng Thị Th cùng 02 người con của bà Th là bà Lê Đặng Thùy Trg và bà Lê Đặng Phương Tho hưởng phần thừa kế của ông Trc), bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo.

+ Chia chung cho ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch, ông Lê Văn Trc Khu B theo Mãnh trích đo địa chính ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, có diện tích là 412,3m$^2$, có giá trị là 195.842.500 đồng. Ông Lê Văn Trc đã chết nên vợ là bà Đặng Thị Th và các con là bà Lê Đặng Thuỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho được hưởng phần di sản.

- Phần công gìn giữ, bảo quản, tôn tạo di sản: ông Lê Văn Trc được hưởng giá trị phần công sức đóng góp với số tiền là 166.942.700 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn By trăm đồng), bà Lê Thị By được

hưởng phần công sức đóng góp với số tiền là 83.471.400 đồng (tám mươi ba triệu bốn trăm By mươi một nghìn bốn trăm đồng). Ông Lê Văn Ln được quyền sử dụng đất thửa đất số 399, tờ bản đồ số 16, xã HPh, ông Lê Văn Ln có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị By số tiền là 71.568.000 đồng (By mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Bà Đặng Thị Th và các con là bà Lê Đặng Thuỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho được quyền sử dụng 742,1m$^2$ đất của thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh, bà Đặng Thị Th và các con là bà Lê Đặng Thuỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị By số tiền là 11.903.400 đồng (mười một triệu chín trăm lẻ ba nghìn bốn trăm đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị B, bà Lê Thị By, bà Lê Thị Hu và bà Lê Thị Lo về việc tính công sức đóng góp của bà Lê Thị By bằng với ông Lê Văn Trc và cách chia di sản thừa kế.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 24.100.000 đồng, các nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Ông Lê Văn Ln, bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị By, ông Lê Văn Trc (chết vào năm 2016), bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 3.443.000 đồng (đã làm tròn số). Ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch mỗi người có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn số tiền là 3.443.000 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Bà Đặng Thị Th và các con là bà Lê Đặng Thuỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho có nghĩa vụ liên đới trả cho các nguyên đơn số tiền là 3.443.000 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

3. Về án phí: Ông Lê Văn Ln, bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị By và bà Đặng Thị Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp miễn án phí.

Bà Lê Thị B đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng. Trả lại cho bà Lê Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007857 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ChTh tỉnh LA.

Bà Lê Thị By đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng. Trả lại cho bà Lê Thị By số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007856 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ChTh tỉnh LA.

Bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.362.000 đồng.

Bà Lê Thị Hu đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Hu đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007855 ngày 09 tháng 10

năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ChTh tỉnh LA. Bà Lê Thị Hu còn phải nộp thêm số tiền là 8.862.000 đồng.

Bà Lê Thị Lo đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Lo đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007860 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ChTh tỉnh LA. Bà Lê Thị Lo còn phải nộp thêm số tiền là 8.862.000 đồng.

Bà Lê Đặng Thuỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.575.000 đồng (By triệu năm trăm By mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các Bn ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 26/6/2020, ông Lê Văn Ln và ông Lê Văn Ch kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia toàn bộ di sản thừa kế cho những người hưởng thừa kế, không để lại một phần di sản làm nhà thờ chung như án sơ thẩm, cụ thể: Ông Ln và ông Ch nhận 2 kỷ phần bằng quyền sử dụng đất liền nhau để thuận tiện việc xây dựng nhà thờ cúng cha mẹ và em trai tên Lê Văn Cg; đồng thời yêu cầu tính công sức của ông Lê Văn Trc bằng 2 kỷ phần thừa kế vì ông Trc có công gìn giữ, tu bổ nhà thờ và phụng dưỡng cha mẹ đến cuối đời.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 30/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện ChTh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

Phần tranh luận tại phiên toà phúc thẩm:

- Ông Lê Văn Ch tranh luận rằng, vào ngày 08/9/2020 với sự chủ trì của Tòa án, các Bn đã thỏa thuận với nhau và có ký vào biên bản nên đề nghị phân chia lại theo thỏa thuận ngày 08/9/2020 từ đông sang tây, ông, ông Ln và bà Th, bà Trg, bà Tho lấy từ bắc về nam để có điều kiện cất lại nhà thờ ông bà, cha mẹ và ông Cg đã chết, nếu thừa kỷ phần thì hoàn lại bằng giá trị. Riêng phần nhà trên đất không còn giá trị nên phần đất ai được chia đụng nhà thì tự đập bỏ, chỉ xin giữ lại bàn thờ, di ảnh cha và anh, lư hương. Đồng thời, lời trình bày của Luật sư Nguyễn Văn Thg là bất hợp lý, do không có chứng cứ, chỉ là lời nói một chiều, nếu cần thiết phải xác minh từ đầu đường cuối xóm là biết ai có công gìn giữ tài sản.

- Ông Lê Văn Ln không tranh luận mà chỉ thống nhất với trình bày của ông Ch.

- Bà Đặng Thị Th tranh luận rằng, đề nghị chia thừa kế của ông Cg để lại bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, không ai hoàn tiền cho ai. Khi gia đình khởi kiện đã có bàn với nhau, là chia làm 8 phần để công nhận công lao của ông Trc (chồng bà). Trường hợp chia di sản thừa kế thành 7 phần thì nên trích mỗi kỷ phần lại dành cho phần công sức đóng góp, giữ gìn tài sản là hợp lý hơn.

- Luật sư Nguyễn Văn Thg tranh luận bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị By: Mặc dù Lê Thị By không kháng cáo nhưng tại phiên tòa hôm nay theo

kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở vì các em của ông Ch là nguyên đơn đều thừa nhận công lao của bà By trực tiếp chăm sóc bà X từ khi ông Cg mất, bà By cũng đến bệnh viện chăm sóc bà X. Đến năm 2004 X mất thì bà By tiếp tục ở đó gìn giữ nhà thờ tính đến nay là khoảng hơn 20 năm, công lao đóng góp gìn giữ nhà cửa, tài sản, chưa tính đến công chăm sóc mẹ. Tuy nhiên ông Ch lại phủi bỏ mọi công lao của bà By là không đúng thực tế. Khi ông Cg mất, không ai chăm sóc bà X, bà By đã là người làm công việc đó. Ông Trc có bỏ tiền ra làm lại nhà sau cho bà X ở, ông Ch và ông Ln cũng thừa nhận, các chị em của bà By cũng thừa nhận bà By là người trực tiếp chăm sóc, tu bổ nhà thờ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại công sức đóng góp của bà By để chia cho bà By được hưởng ½ trong kỷ phần thứ 8, không phải bằng 1/3 kỷ phần thứ 8 như án sơ thẩm.

- Bà Lê Thị By tranh luận rằng, đồng ý với lời tranh luận của Luật sư. Tuy nhiên, lời của bà Th là không đúng, ông Trc là không có ngủ lại đêm nào ở nhà thờ.

- Bà Lê Thị Hu tranh luận rằng, không đồng ý cách chia của ông Ch, bà muốn giữ lại cái nhà, chia theo bảng đề nghị đã nộp Tòa án vào ngày 29/9/2020.

- Bà Lê Thị Lo tranh luận rằng, cái nhà giữ lại bề ngang 11m, chiều dài tới hết rạch công cộng, đề nghị chia làm đôi mỗi Bn một phần.

- Bà Lê Thị B không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các Bn đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

1. Về chia ruộng đất cho 4 nguyên đơn mỗi người 500m$^2$ và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng từng người: Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán ban hành công văn lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện ChTh, tỉnh LA và căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 8 Quyết định 75 của Ủy ban nhân dân tỉnh LA. Tại phiên tòa các nguyên đơn cũng hoàn toàn đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện ChTh và mong muốn được đứng tên riêng. Đây là những chứng cứ đủ cơ sở xem xét chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

2. Về chia 600m$^2$ đất nhà thờ: Các đương sự không thống nhất cách chia nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào thực tế, căn cứ vào phần tài sản có trên đất là căn nhà thờ (các đương sự thống nhất nhà thờ xây dựng 1972 không còn giá trị), phần tu bổ nhà thờ, xây dựng thêm nhà dưới, nhà bếp là của ông Lê Văn Trc bỏ tiền ra xây cất nên cần giao cho Bn bị đơn. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Ln, ông Ch.

3. Về yêu cầu xem xét công sức đóng góp của ông Trc hưởng trọn 1 kỷ phần, không đồng ý chia cho bà By 1/3 kỷ phần công sức: Xét thấy thực tế bà By

có công sức trong việc quản lý nhà cửa, chăm sóc mẹ già dù không bỏ tiền nhưng ông bà xưa có câu "*của một đồng, công một vạn*" nên phía bị đơn phủ bỏ công sức của bà By là không phù hợp nên không có căn cứ xem xét phần kháng cáo này của ông Ln, ông Ch.

4. Xét kháng cáo của ông Ln, ông Ch yêu cầu chia kỷ phần mỗi người 230.124.250 đồng là phù hợp. Kháng cáo này trùng với yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện ChTh nên có cơ sở chấp nhận

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch và chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện ChTh để sửa một phần bản án sơ thẩm và các đương sự kháng cáo không chịu án phí phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Lê Văn Ln và ông Lê Văn Ch kháng cáo hợp lệ và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện ChTh đã làm kháng nghị và gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn pháp luật quy định là đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bà Lê Đặng Thùy Trg và bà Lê Đặng Phương Tho đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Các đương sự thống nhất với nhau rằng ông Lê Tấn Cg chết năm 1997, không có vợ con và cha mẹ ông Cg là ông Lê Văn H chết năm 1973, bà Đinh Thị X chết năm 2004 nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Tấn Cg không có. Hàng thừa kế thừa hai của ông Cg gồm ông Lê Văn Ln, bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị By, ông Lê Văn Trc, bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo. Ông Trc chết năm 2016 nên bà Đặng Thị Th là vợ hợp pháp của ông Trc cùng hai con là bà Lê Đặng Thỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho được hưởng thừa kế chuyển tiếp từ ông Trc.

[2.2] Khi còn sống ông Cg là chủ sử dụng quyền sử dụng đất gồm các thửa và có giá trị như sau:

- Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, loại đất lúa (LUC), diện tích 4.242,1m$^2$ x 241.000 đồng/m$^2$ = 1.022.346.100 đồng.

- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, loại đất ở nông thôn (ONT), diện tích 1.572,8m$^2$ x 475.000 đồng/m$^2$ = 747.080.000 đồng.

- Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 16, loại đất ao vườn (NTS), diện tích 252m$^2$ x 284.000 đồng/m$^2$ = 71.568.000 đồng.

Tổng cộng là 1.840.994.100 đồng.

Các bên đương sự thừa nhận ông Cg chết không để lại di chúc nên thống nhất chia di sản trên theo pháp luật thành 08 phần bằng nhau cho 07 anh em, trong đó có 01 kỷ phần dành cho người có công sức gìn giữ di sản. Vì vậy, mỗi kỷ phần thừa kế sẽ là 1.840.994.100 đồng : 8 = 230.124.262 đồng.

Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử theo tỷ lệ bà Lê Thị By hưởng 1/3 và bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thùy Trg, bà Lê Đặng Phương Tho cùng hưởng 2/3. Các Bn đương sự không kháng cáo, cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh nào khác về công sức của ông Trc và bà By nên không có cở sửa bản án sơ thẩm phần này, cần giữ nguyên tỷ lệ chia như án sơ thẩm. Do đó, lời đề nghị của Luật sư Nguyễn Văn Thg là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, về giá trị tài sản là di sản thừa kế mỗi người được hưởng như sau:

+ Bà Lê Thị B hưởng 230.124.262 đồng.

+ Bà Lê Thị By hưởng 230.124.262 đồng + (1/3 x 230.124.262 đồng) = 306.832.349 đồng.

+ Bà Lê Thị Hu hưởng 230.124.262 đồng.

+ Bà Lê Thị Lo hưởng 230.124.262 đồng.

+ Ông Lê Văn Ln hưởng 230.124.262 đồng.

+ Ông Lê Văn Ch hưởng 230.124.262 đồng.

+ Bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thuỳ Trg, bà Lê Đặng Phương Tho cùng hưởng 230.124.262 đồng + (2/3 x 230.124.262 đồng) = 383.540.436 đồng.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không trưng cầu ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện ChTh về việc tách thửa đất nông nghiệp theo theo Quyết định số 75/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 "Về việc Quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh LA" là thiếu sót.

Tại Công văn số 2436/UBND-NC ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện ChTh đã "*...thống nhất tách thửa đất theo phân khu Mảnh trích đo nêu trên để Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định*" và tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn tiếp tục yêu cầu được quyền sử dụng riêng để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng từng người. Do đó, xét thấy yêu cầu này là chính đáng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất thực hiện đầy đủ các quyền về đất đai nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện ChTh là có căn cứ chấp nhận để chia riêng cho từng nguyên đơn được nhận và có quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA theo bản vẽ phân khu của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập năm 2018 trên Mảnh trích đo địa chính số:…2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 24/01/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ChTh duyệt ngày 26/01/2018 như sau:

+ Bà Lê Thị B được nhận và có quyền sử dụng đất tại khu 1b, tương đương 500m$^2$ x 241.000 đồng/m$^2$ = 120.500.000 đồng.

+ Bà Lê Thị By được nhận và có quyền sử dụng đất tại khu 1a, tương đương 500m$^2$ x 241.000 đồng/m$^2$ = 120.500.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Hu được nhận và có quyền sử dụng đất tại khu 1c, tương đương 500m$^2$ x 241.000 đồng/m$^2$ = 120.500.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Lo được nhận và có quyền sử dụng đất tại khu 1d, tương đương 500m$^2$ x 241.000 đồng/m$^2$ = 120.500.000 đồng.

[2.4] Căn cứ vào phần án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị thấy rằng phần đất còn lại của thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA mà đương sự hưởng thừa kể có giá trị như sau:

Ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch, bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thùy Trg và bà Lê Đặng Phương Tho được hưởng chung diện tích đất 2.242,1m$^2$ thuộc phần còn lại của thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA. Trong đó, ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch mỗi người hưởng 500m$^2$ tương đương mỗi người 120.500.000 đồng; bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thùy Trg và bà Lê Đặng Phương Tho cùng hưởng 500m$^2$ + 742,1m$^2$ = 1.242,1m$^2$ tương đương 299.346.100 đồng.

[2.5] Đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã HPh, huyện ChTh, tương đương giá trị 252m$^2$ x 284.000 đồng/m$^2$ = 71.568.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã chia cho ông Lê Văn Ln và không có kháng cáo, kháng nghị nên cần giữ nguyên. Tuy nhiên, khi ông Ln, ông Ch, bà Th, bà Trg, bà Tho tranh chấp tài sản chung được chia Bn dưới cần tính phần đất này vào để làm cơ sở phân chia nhằm đảm bảo kỷ phần các Bn được hưởng.

[2.6] Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA.

Xét thấy rằng, có 01 căn nhà thờ cấp 4 được xây dựng từ năm 1972. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành định giá là thiếu sót nhưng trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm các Bn đương sự không yêu cầu định giá; đồng thời các Bn đương sự đều thừa nhận tại phiên tòa rằng nhà không còn giá trị và tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 08/9/2020 các đương sự cũng thống nhất tháo dở. Do đó, cần xem xét giải quyết triệt để tại cấp phúc thẩm, không phải hủy án phần này để định giá nhà trên đất và tiến hành giải quyết lại vụ án, kéo dài ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các Bn.

Xét kháng cáo của ông Lê Văn Ch, ông Lê Văn Ln yêu cầu được chia phần đất có căn nhà thờ cấp 4 nêu trên là có cơ sở. Bởi lẽ, giá trị nhà thờ trên đất không còn giá trị như nêu trên. Đồng thời, liền kề với căn nhà thờ là nhà sau, nhà vệ sinh mà các Bn thống nhất do ông Lê Văn Trc xây dựng vào năm 2000 và vợ con ông Trc là bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thùy Trg và bà Lê Đặng Phương Tho thống nhất với ông Ln, ông Ch hưởng kỷ phần chung nên cần thiết giao phần đất có nhà chính (nhà thờ), nhà sau, nhà vệ sinh cho chung ông Ln, ông Ch, bà Th, bà Trg, bà Tho. Trong đó, ông Ln, ông Ch mỗi người hưởng 1 kỷ phần và bà Th, bà Trg, bà Tho cùng hưởng 1 kỷ phần nhưng kỷ phần của ông Ln ít hơn vì ông Ln đã được chia thửa 399 như trên. Giá trị nhà sau, nhà vệ sinh do ông Trc xây dựng do ông Ln, ông Ch, bà Th, bà Trg, bà Tho tự thương lượng giải quyết hoặc khởi kiện thành vụ án khác để giải quyết giá trị nhà trên đất.

Bn cạnh đó, việc phân khu lại phần đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA để đảm bảo các Bn đương sự được hưởng phần đất ở tương đương nhau, tạo thuận lợi, hiệu quả trong quá trình sử dụng đất như Mảnh trích đo địa chính…-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú phân khu ngày 05/10/2020 trên cơ sở Mảnh trích đo địa chính…-2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 24/01/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ChTh duyệt ngày 26/01/2018 là hợp lý.

Hơn nữa, các nguyên đơn đã thỏa thuận với các bị đơn vào ngày 08/9/2020 nhưng thay đổi ý kiến; tại phiên tòa ngày 11/9/2020 các nguyên đơn đề nghị phân chia phần đất có nhà thờ thành 02 phần để các nguyên đơn hưởng 01 phần, các bị đơn hưởng 01 phần nhưng tại phiên tòa ngày 30/9/2020 các nguyên đơn lại tiếp tục thay đổi. Do đó, xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều có nhu cầu thờ cúng ông bà, cha mẹ nhưng không thỏa thuận được với nhau phần nhà, đất sử dụng chung để thờ cúng thì các Bn có quyền sử dụng phần đất được hưởng theo kỷ phần để sử dụng theo mục đích riêng.

Vì vậy, cần phân chia cho các thừa kế các phần đất theo Mảnh trích đo địa chính…-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú phân khu ngày 05/10/2020 như sau:

+ Bà Lê Thị B hưởng diện tích 212m$^2$ tại Khu A, tương đương 212m$^2$ x 475.000 đồng/m$^2$ = 100.700.000 đồng.

+ Bà Lê Thị By hưởng diện tích 212m$^2$ tại Khu D, tương đương 212m$^2$ x 475.000 đồng/m$^2$ = 100.700.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Hu hưởng diện tích 212m$^2$ tại Khu B, tương đương 212m$^2$ x 475.000 đồng/m$^2$ = 100.700.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Lo diện tích 139m$^2$ tại Khu C, tương đương 212m$^2$ x 475.000 đồng/m$^2$ = 100.700.000 đồng.

+ Ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch và bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thuỳ Trg, bà Lê Đặng Phương Tho được chia chung phần đất Khu E và Khu F liên kề với Khu E nên cần giao cho ông Ln, ông Ch, bà Th, bà Trg, bà Tho sử dụng để thuận lợi và có lối đi vào từ Khu E, có tổng giá trị tương đương 721m$^2$ x 475.000 đồng/m$^2$ = 342.475.000 đồng.

Tóm lại, mỗi thừa kế được hưởng bằng quyền sử dụng đất có gí trị tương đương như sau:

+ Bà Lê Thị B được nhận và có quyền sử dụng 02 phần đất nêu trên tương đương 120.500.000 đồng + 100.700.000 đồng = 221.200.000 đồng.

+ Bà Lê Thị By được nhận và có quyền sử dụng 02 phần đất nêu trên tương đương 120.500.000 đồng + 100.700.000 đồng = 221.200.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Hu được nhận và có quyền sử dụng 02 phần đất nêu trên tương đương 120.500.000 đồng + 100.700.000 đồng = 221.200.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Lo được nhận và có quyền sử dụng 02 phần đất nêu trên tương đương 120.500.000 đồng + 100.700.000 đồng = 221.200.000 đồng.

Đối chiếu với kỷ phần mà bà B, bà By, bà Hu, bà Lo được hưởng như trên, bà B, bà Hu và bà Lo mỗi người hưởng bằng tiền là 8.924.262 đồng, bà By được hưởng bằng tiền 85.632.349 đồng. Đồng thời, ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch và bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thuỳ Trg, bà Lê Đặng Phương Tho được hưởng các phần đất nêu trên vượt quá giá trị 01 kỷ phần được hưởng nên phải có trách nhiệm liên đới hoàn lại bằng tiền cho bà B, bà By, bà Hu, bà Lo số tiền nêu trên.

[4] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, hai Bn nguyên đơn và bị đơn có thiện chí thương lượng nên thống nhất tiến hành đo đạc, thẩm định tại chỗ lại vào ngày 08/9/2020 nhưng

sau đó bị đơn thay đổi và tiếp tục yêu cầu Tòa án thẩm định, phân khu lại. Vào ngày 17/9/2020 Tòa án tiến hành phân khu lại phần đất tranh chấp nhưng các nguyên đơn tiếp tục thay đổi nên cần buộc các nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên sửa án sơ thẩm như nhận định ở trên nên các đương sự không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Ln và ông Lê Văn Ch.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện ChTh, tỉnh LA.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 16/6/2020 Tòa án nhân dân huyện ChTh, tỉnh LA.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 158, 165, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468, các Điều 623, 650, 651, 660 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị B, bà Lê Thị By, bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo đối với di sản thừa kế do ông Lê Tấn Cg để lại, gồm: thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh, diện tích là 4.242,1m$^2$; thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, diện tích là 1.572,8m$^2$; thửa đất số 399, tờ bản đồ số 16, xã HPh, diện tích là 252m$^2$.

[2] Đối với thửa đất số 358, tờ bản đồ số 21, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA thể hiện theo bản vẽ phân khu của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập năm 2018 trên Mảnh trích đo địa chính số:…2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 24/01/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ChTh duyệt ngày 26/01/2018 chia như sau:

+ Bà Lê Thị B được nhận và có quyền sử dụng đất tại khu 1b có diện tích 500m$^2$.

+ Bà Lê Thị By được nhận và có quyền sử dụng đất tại khu 1a có diện tích 500m$^2$.

+ Bà Lê Thị Hu được nhận và có quyền sử dụng đất tại khu 1c có diện tích 500m$^2$.

+ Bà Lê Thị Lo được nhận và có quyền sử dụng đất tại khu 1d có diện tích 500m$^2$.

+ Ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch, bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thùy Trg và bà Lê Đặng Phương Tho được hưởng chung phần còn lại có diện tích 2.242,1m$^2$.

[3] Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 21, xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính…-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú phân khu ngày 05/10/2020 trên cơ sở Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 24/01/2018 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ChTh duyệt ngày 26/01/2018 chia như sau:

+ Bà Lê Thị B được nhận và có quyền sử dụng đất tại Khu A có diện tích 212m$^2$.

+ Bà Lê Thị By được nhận và có quyền sử dụng đất tại Khu D có diện tích 212m$^2$.

+ Bà Lê Thị Hu được nhận và có quyền sử dụng đất tại Khu B có diện tích 212m$^2$.

+ Bà Lê Thị Lo được nhận và có quyền sử dụng đất tại Khu C có diện tích 212m$^2$.

+ Ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch, ông Lê Văn Trc và bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thuỳ Trg, bà Lê Đặng Phương Tho được chia chung phần đất tại Khu E và Khu F có diện tích 721m$^2$.

[4] Ông Lê Văn Ln được nhận và có quyền sử dụng thửa đất số 399, tờ bản đồ số 16, diện tích 252m$^2$, tọa lạc tại xã HPh, huyện ChTh, tỉnh LA.

[5] Buộc Ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch và bà Đặng Thị Th, bà Lê Đặng Thuỳ Trg, bà Lê Đặng Phương Tho liên đới thối hoàn cho bà Lê Thị B, bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo mỗi người là 8.924.262 đồng và bà Lê Thị By số tiền 85.632.349 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị B, bà Lê Thị By, bà Lê Thị Hu và bà Lê Thị Lo về việc tính công sức đóng góp của bà Lê Thị By bằng với ông Lê Văn Trc và cách chia di sản thừa kế.

[7] Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Tổng số tiền là 24.100.000 đồng, các nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Ông Lê Văn Ln, bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị By, ông Lê Văn Trc (chết vào năm 2016), bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 3.443.000 đồng (đã làm tròn số). Ông Lê Văn Ln, ông Lê Văn Ch mỗi người có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn số tiền là 3.443.000 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Bà Đặng Thị Th và các con là bà Lê Đặng Thuỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho có nghĩa vụ liên đới trả cho các

nguyên đơn số tiền là 3.443.000 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

[8] Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Buộc bà Lê Thị B, bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo và bà Lê Thị By liên đới phải chịu 4.200.000 đồng (đã nộp xong) và 4.200.000 đồng để hoàn trả cho ông Lê Văn Ch đã tạm ứng Trc.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí cho ông Lê Văn Ln, bà Lê Thị B, ông Lê Văn Ch, bà Lê Thị By và bà Đặng Thị Th.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị B, bà Lê Thị By mỗi người 2.500.000 đồng số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007857, số 0007856 cùng ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ChTh tỉnh LA.

- Buộc bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.505.000 đồng nhưng được khấu trừ mỗi người 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007855, số 0007860 cùng ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ChTh, tỉnh LA. Bà Lê Thị Hu, bà Lê Thị Lo còn phải nộp thêm số tiền là 9.005.000 đồng.

- Buộc bà Lê Đặng Thuỳ Trg và bà Lê Đặng Phương Tho mỗi người phải chịu số tiền là 6.392.000 đồng.

[8] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

[9] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cụ THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Cảnh**